VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
ÉDITION 1-AMS
PHÁT HÀNH LẦN THỨ 1-AMS

# LÀNG SEN

SHEET 6047 II
SERIES L7014

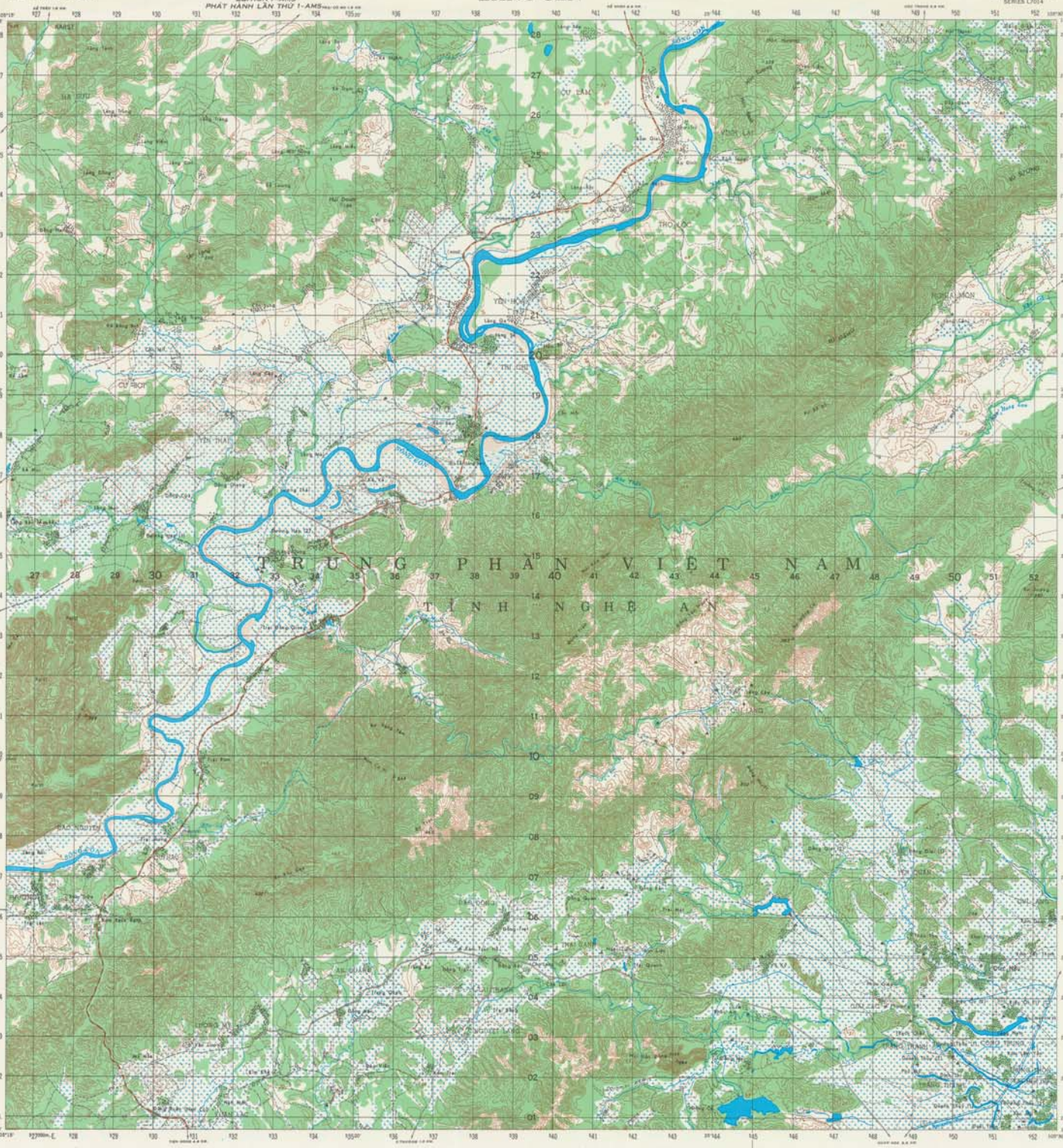


NHÀ ĐỊA-DƯ QUỐC-GIA VIỆT-NAM ẤN-HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC DIRECTORATE, VIETNAM
Ấn hành lần thứ nhất 8-70
1st Printing 8-70

Scale Échelle Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS
RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES
LES COURBES HORIZONTALES: 10 MÈTRES
RELIEF PARTIELLEMENT REPRÉSENTÉ PAR LES COURBES CARACTÉRISTIQUES

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONES (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

SPHÉROÏDE ..... EVEREST
QUADRILLAGE ..... KILOMÈTRIQUE UTM, FUSEAU 48 (LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE ..... NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDE 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ VÒNG 10 MÉT
MỘT PHẦN ĐỊA-THẾ ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG CÁC ĐƯỜNG ĐỊNH-HÌNH

ĐƠN VỊ ĐỘ CAO ..... UTM ZONES LAM MÉT, KHU VỰC TÂY ÂU
ĐỘ VÒNG CHIẾU ..... (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ CHỮ SỐ ĐEN)
ĐỘ VÒNG CHUẨN ..... ĐẠT ĐỊNH TRUNG-BÌNH MỰC NƯỚC BIỂN
ĐỘ VÒNG PHÂN-CẤP CHUẨN ..... ĐỘ VÒNG PHÂN-CẤP KHÔNG CHUẨN

PREPARED BY ..... 6985 (G), U.S. ARMY, 1965
CONTROL BY ..... SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
CONVERGENCE DU QUADRILLAGE POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
HỘI-TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TÂM Ở TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ
(7°) 2 MILS WELL WELL
TRUE NORTH
NORD GÉOGRAPHIQUE
BẮC ĐỊA-DƯ

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
SUBTRACT G-M ANGLE
POUR CONVERTIR L'AZIMUT MAGNÉTIQUE EN AZIMUT DU QUADRILLAGE
SOUSTRAIRE L'ANGLE G-M
MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG
TRỪ GÓC T-V

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
ADD G-M ANGLE
POUR CONVERTIR L'AZIMUT DU QUADRILLAGE EN AZIMUT MAGNÉTIQUE
AJOUTER L'ANGLE G-M
MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ
CỘNG THÊM GÓC V-T

1965
G-M ANGLE
ANGLE DE G-M
GÓC V-T
(10 MILS WELL WELL)

GRID NORTH
NORD DU QUADRILLAGE
BẮC VÔ-TUYẾN

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLÉVATION
CHỈ-ĐỀN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
NHỮNG RÌA-GIỚI

ADJOINING SHEETS
SUITES ADJACENTES
BẢNG RÁP RÌA-ĐỒ

LEGEND—LÉGENDE—CHÚ-THÍCH
MAP INFORMATION AS OF 1965
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1965
BẢN-ĐỒ TÌNH-TRẠNG NĂM 1965

GLOSSARY—GLOSSAIRE—CỔ-TỰ

| | | |
|---|---|---|
| Ap | village | |
| Bão | lac | lake |
| Dòng | montagne | mountain |
| Kênh | ruisseau | stream |
| Làng | village | village |
| Núi | montagne | mountain |
| Rạ | montagne | mountain |
| Sông | rivière | river |
| X. Xóm | village | village |

LÀNG SEN, VIETNAM